

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2024
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đức Chung.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Linh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số :131/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Ngọc L, sinh năm 1974

Địa chỉ thường trú: Tổ D, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn : Ông Phạm Văn T, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ thường trú: Tổ D, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2024, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Đặng Ngọc L trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T có tính gia trưởng, mọi việc trong gia đình ông T là người tự ý quyết định không thông qua ý kiến của bà, bà không có tiếng nói trong gia đình, khi mâu thuẫn ông T lại có hành vi bạo lực với bà và còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài và có con chung với nhau. Khi ông T đưa con riêng về nhà nuôi, bà không đồng ý thì ông T lại đánh bà nhưng vì bà còn tình cảm với ông T và do các con còn nhỏ nên bà cố

gắng chịu đựng để có điều kiện chăm sóc các con. Tuy nhiên, hiện các con đã trưởng thành và ông T cũng không tôn trọng bà nên bà không thể tiếp tục chịu đựng và đã bỏ ra ngoài đi làm thuê và sống riêng, ly thân với ông T hơn 1 năm nay. Nay bà xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể xây dựng gia đình hạnh phúc, vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

+ Về con chung: Có 03 con chung:

1. Con : Phạm Nhật H, sinh ngày 02/02/1997;
2. Con : Phạm Nhật T1, sinh ngày 10/4/2000;
3. Con : Phạm Thanh T2, sinh ngày 26/9/2004.

Hiện nay, các con đã trưởng thành hai con đã có gia đình riêng, còn lại cháu T1 cũng đã trưởng thành và chưa có gia đình.

+ Về tài sản chung: Có nhà và đất ở tổ D xã P, huyện L. Nhưng hiện bà không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không có.

- **Đối với bị đơn ông Phạm Văn T vắng mặt.**

- **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:**

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định, đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của bà L thể hiện trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, hiện bà L sống ly thân ông T hơn một năm không bàn bạc đoàn tụ được. Đối với ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lời khai, không tham gia hòa giải, không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà L. Vì vậy, bà L yêu cầu ly hôn ông T là có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

+ Về con chung: Đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn ông Phạm Văn T có nơi cư trú tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Phạm Văn T đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Văn T.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xét hôn nhân giữa bà L và ông T xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70/1994 ngày 16/12/1994 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai bà L thì trong quá trình chung sống, bà L và ông T thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc không bàn bạc hòa giải đoàn tụ được, hiện đã sống ly thân trên một năm. Mặc dù, Tòa án đã vận động hòa giải để vợ chồng bàn bạc đoàn tụ nhưng bà L không đồng ý và tha thiết xin được ly hôn. Đối với ông Phạm Văn T đã được Tòa án tổng đạt nhiều lần nhưng không có lời khai cũng không tham gia hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Cho thấy, ông T không có trách nhiệm đối với mối quan hệ hôn nhân với bà L, không thực hiện quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Vì vậy, xét mối quan hệ hôn nhân giữa ông T - bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, nên việc bà L yêu cầu được ly hôn ông T là có căn cứ nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Có 03 con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về nợ chung*: Bà L khai không có, phù hợp xác minh tại địa phương nên không xem xét.

[3] Về án phí: Theo luật định bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 40 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Ngọc L đối với bị đơn ông Phạm Văn T về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Xử cho bà Đặng Ngọc L được ly hôn ông Phạm Văn T.

2/ Về con chung: Có 03 con chung:

- Phạm Nhật H, sinh ngày 02/02/1997;
- Phạm Nhật T1, sinh ngày 10/4/2000;
- Phạm Thanh T2, sinh ngày 26/9/2004.

Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5/ Về án phí: Bà Đặng Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0015832 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, bà L đã nộp đủ án phí.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- UBND xã Phước Thái, huyện Long Thành;
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hà